

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 02 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2020 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2001 bà (Nguyễn Thị M) và ông Nguyễn Chí T xác lập quan hệ vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Chí T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng thường xuyên cự cãi và không còn sống chung từ năm 2014. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không

mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Chí T. Về con chung, có hai người tên là Nguyễn Phong D (giới tính nam), sinh ngày 25/10/2002 và Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 11/10/2010. Hiện Nguyễn Phong D đang do bà nuôi dưỡng, Nguyễn Văn H đang do ông Nguyễn Chí T nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Phong D, giao Nguyễn Văn H cho ông Nguyễn Chí T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/02/2020 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Chí T trình bày:

Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn và thời gian không còn sống chung đúng như bà Nguyễn Thị M đã khai. Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn. Về con chung có hai người tên là Nguyễn Phong D và Nguyễn Văn H đúng như bà M đã trình bày. Ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Phong D cho bà M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Văn H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Chí T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Chí T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng thường xuyên cự cãi và không còn sống chung từ năm 2014. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T cùng nhận thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí T. Ông Nguyễn Chí T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị M. Do hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T không phù hợp với quy định pháp luật, vì vậy bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T thống nhất xác định có 02 người con chung tên là Nguyễn Phong D (giới tính nam), sinh ngày 25/10/2002 và Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 11/10/2010. Hiện Nguyễn Phong D đang sống cùng bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H đang sống cùng ông

Nguyễn Chí T. Cả hai người thống nhất thỏa thuận giao Nguyễn Phong D cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, giao Nguyễn Văn H cho ông Nguyễn Chí T tiếp tục nuôi dưỡng, cả hai người không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của những người con chung đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để ghi nhận sự thỏa thuận này. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T về việc cả hai người không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T thống nhất xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T, cụ thể như sau: Giao Nguyễn Phong D (giới tính nam), sinh ngày 25/10/2002 cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 11/10/2010 cho ông Nguyễn Chí T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Nguyễn Phong D và Nguyễn Văn H đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị M đã nộp xong tại biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019770, ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước